

CÔNG TY CỔ PHẦN
NGHE NHÌN TOÀN CẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 766 /AVG-KTTH
V/v báo cáo định kỳ chất lượng
dịch vụ truyền hình trả tiền năm
2021

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2021

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ: Công ty cổ phần Nghe Nhìn Toàn Cầu
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26 - E -2a, đường số 1, Khu biệt thự Phú Thịnh, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (đánh dấu b vào ô trống phù hợp)

Tên dịch vụ	Truyền hình quảng bá	Truyền hình trả tiền
Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số	☐	b
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV	☐	☐
Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh	☐	b
Dịch vụ truyền hình di động	☐	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐	☐
....		

II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu b vào ô trống phù hợp)

Năm: 2021

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ 1/1 - 30/6) b

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ 1/7 - 31/12) □

III. Nội dung báo cáo:

1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:

(Chấp hành: *Đánh dấu b*; Chưa chấp hành: *Đánh dấu x*)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định b

- Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website b

Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng: <https://www.avg.vn>

- Ban hành quy chế tự kiểm tra b

- Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên b

- Thực hiện đo kiểm định kỳ b

2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

❖ Kết quả đo kiểm dịch vụ DVB-T2

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Công ty cổ phần Nghe Nhìn Toàn Cầu

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26 - E -2a, đường số 1, Khu biệt thự Phú Thịnh, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Địa chỉ liên hệ: Tầng 13 Tòa nhà IC, số 82 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 01/06/2021 – 10/06/2021.

A. Khu vực Miền Bắc

- Địa điểm đo kiểm: **Thường Tín – Hà Nội**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
-----	--------------	---	-------------	----------------------------	---------

		83:2014/BTTTT			
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	9.0 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	10.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	60.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	32.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	44.5	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	38.6	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	36.4	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	44.1	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	74.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	75.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	79.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	80.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Sơn Tây – Hà Nội

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	58.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	42.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	67.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	41.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	39.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	44.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	37.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	39.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	70.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	72.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	70.9 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Yên Nghĩa – Hà Đông

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	50.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	47.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	55.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	48.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	43.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	42.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	44.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	42.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	69.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	69.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	71.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	71.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Từ Sơn – Bắc Ninh**

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	32.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	41.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	38.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	37.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	48.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	49.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	32.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	39.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	70.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	69.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	73.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	74.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Như Quỳnh – Hưng Yên

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	15.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	14.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	47.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	27.52Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	38.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	39.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	38.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	39.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	75.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	75.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	76.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	72.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Phúc Yên – Vĩnh Phúc**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	40.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	32.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	72.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	43.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	40.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	37.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	40.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	38.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	71.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	74.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	74.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	71.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Mỹ Lộc – Nam Định

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	40.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	42.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	71.8 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	52.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	42.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	31.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	44.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	38.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	71.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	73.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	71.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

		$\geq 57.20 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	$\geq 57.20 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	72.6 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
--	--	---	---	----------------------------------	-------------------

- Địa điểm đo kiểm: Nam Trục – Nam Định

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	24.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	26.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	46.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	44.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	46.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 17.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	40.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 17.6 \text{ dB}$ (658 MHz)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (658 MHz)	46.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 17.6 \text{ dB}$ (666 MHz)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (666 MHz)	47.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	70.2 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 57.01 \text{ dB}\mu\text{V/m}$	$\geq 57.01 \text{ dB}\mu\text{V/m}$	65.2	Đạt

KS

		(650 MHz)	(650 MHz)	dB μ V/m	tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	66.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	68.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Nam Hà – Nam Định**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	20.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	21.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	68.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	40.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	37.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	35.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	34.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	39.2 dB	Đạt tiêu chuẩn

5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	76.2 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 57.01 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (650 MHz)	$\geq 57.01 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (650 MHz)	71.3 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 57.11 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (658 MHz)	$\geq 57.11 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (658 MHz)	73.1 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 57.20 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	$\geq 57.20 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	74.3 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Dương Kinh – Hải Phòng**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	24.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	22.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	32.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	35.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	44.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 17.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	$\geq 17.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	35.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 17.6 \text{ dB}$	$\geq 17.6 \text{ dB}$	40.3 dB	Đạt

1/3

		(658 MHz)	(658 MHz)		tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	43.0 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	77.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	78.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	79.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	80.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Lạch Tray – Hải Phòng**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	42.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	25.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	70.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	32.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	39.1 dB	Đạt tiêu chuẩn

	(C/N)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	35.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	42.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	31.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	77.9 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	75.7 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	74.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	71.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **An Dương – Hải Phòng**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	17.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	23.8 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	60.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	63.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-9}	Đạt

		(666 MHz)	(666 MHz)		tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	≥ 17.6 dB (642 MHz)	42.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (650 MHz)	≥ 17.6 dB (650 MHz)	38.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (658 MHz)	≥ 17.6 dB (658 MHz)	36.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 17.6 dB (666 MHz)	≥ 17.6 dB (666 MHz)	42.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	65.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 57.01 dB μ V/m (650 MHz)	67.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 57.11 dB μ V/m (658 MHz)	64.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 57.20 dB μ V/m (666 MHz)	61.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

B. Khu Vực Miền Trung

- Địa điểm đo kiểm: **Hòa Vang – Đà Nẵng**

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	30.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	67.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	34.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	32.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn

		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	40.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	35.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	31.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	34.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	64.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	64.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	68.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	69.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Ngũ Hành Sơn – Đà Nẵng

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	32.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	68.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	44.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	48.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-8}	Đạt

		(642 MHz)	(642 MHz)		tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	42.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	43.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	45.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	41.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	71.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	74.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	69.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Nguyễn Tất Thành – Đà Nẵng**

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	40.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	42.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	40.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	42.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn

2	Bảng thông tin hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	47.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	54.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	45.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	47.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	74.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	74.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	74.7 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Đường DT8 – Nha Trang

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	24.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	29.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz	≤ 50 KHz	52.1 Hz	Đạt

		(658 MHz)	(658 MHz)		tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	40.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	46.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	36.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	43.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	45.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	70.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	72.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	72.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Phạm Văn Đồng – Nha Trang**

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	42.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn

		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	21.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	48.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	34.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	40.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	40.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	54.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	43.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	82.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	81.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	84.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	82.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Tỉnh Lộ 3 – Nha Trang**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
-----	--------------	---	-------------	----------------------------	---------

		83:2014/BTTTT			
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	24.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	41.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	68.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	24.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	42.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	34.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	40.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	40.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 58.90 dB μ V/m (642 MHz)	71.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	74.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	71.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	71.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

C. Khu vực Miền Nam

- Địa điểm đo kiểm: **Biên Hòa – Đồng Nai**

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	50.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	38.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	48.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	32.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	47.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	39.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	42.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	39.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	74.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	74.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	72.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	73.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Củ Chi – Hồ Chí Minh

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	40.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	34.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	68.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	24.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	31.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	40.9 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	42.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	43.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	70.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	66.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	69.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	68.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Tân Uyên – Bình Dương

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	54.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	24.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	60.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	38.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	41.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	32.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	45.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	40.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	72.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	71.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	76.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	74.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Bình Chánh – HCM**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	51.0 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	21.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	70.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	50.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	72.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	40.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	43.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	37.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	74.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	73.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	74.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Dĩ An – Bình Dương

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	43.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	28.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	26.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	35.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	36.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	45.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	43.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	38.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	74.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	71.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

1/5

		$\geq 59.17 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	$\geq 59.17 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	74.2 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
--	--	---	---	----------------------------------	-------------------

- Địa điểm đo kiểm: **Đức Hòa – Long An**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	42.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	23.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	67.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	60.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	40.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 19.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	41.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 19.6 \text{ dB}$ (658 MHz)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (658 MHz)	43.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 19.6 \text{ dB}$ (666 MHz)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (666 MHz)	42.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	69.8 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 58.99 \text{ dB}\mu\text{V/m}$	$\geq 58.99 \text{ dB}\mu\text{V/m}$	69.1	Đạt

		(650 MHz)	(650 MHz)	dB μ V/m	tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	70.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	70.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Nhơn Trạch – Đồng Nai

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	52.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	41.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	60.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	52.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	51.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	42.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	36.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	41.1 dB	Đạt tiêu chuẩn

5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	$\geq 56.92 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (642 MHz)	61.2 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 58.99 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (650 MHz)	$\geq 58.99 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (650 MHz)	61.5 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 59.08 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (658 MHz)	$\geq 59.08 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (658 MHz)	61.4 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 59.17 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	$\geq 59.17 \text{ dB}\mu\text{V/m}$ (666 MHz)	62.3 $\text{dB}\mu\text{V/m}$	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Quý Đức – Bình Chánh

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (642 MHz)	40.3 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (650 MHz)	32.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (658 MHz)	65.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	$\leq 50 \text{ KHz}$ (666 MHz)	29.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (642 MHz)	41.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 19.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	$\geq 19.6 \text{ dB}$ (650 MHz)	25.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		$\geq 19.6 \text{ dB}$	$\geq 19.6 \text{ dB}$	31.1 dB	Đạt

		(658 MHz)	(658 MHz)		tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	38.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	77.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	78.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	74.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	75.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Ô Môn – Cần Thơ

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	52.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	28.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	61.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	41.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	42.1 dB	Đạt tiêu chuẩn

	(C/N)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	41.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	38.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	32.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	75.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	76.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	75.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	76.9 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Phùng Hiệp – Hậu Giang**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	48.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	35.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	52.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	27.5 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-8}	Đạt

		(666 MHz)	(666 MHz)		tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	38.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	35.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	25.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	40.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	70.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	72.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	73.0 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	74.6 dB	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Tam Bình – Vĩnh Long**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	41.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	28.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	59.8 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	29.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn

		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	31.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	41.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	34.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	38.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	72.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	73.7 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	72.9 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	71.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Châu Thanh – Tiền Giang**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	51.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	28.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	63.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	38.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-8}	Đạt

		(642 MHz)	(642 MHz)		tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	31.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	37.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	35.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	38.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	75.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	75.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	74.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	76.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Giồng Trôm – Bến Tre**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	55.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	42.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	62.9 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	42.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn

2	Bảng thông tin hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	38.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	45.8 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	38.3 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	34.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	62.8 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	63.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	64.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	63.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Tân An – Long An

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	63.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	54.1 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz	≤ 50 KHz	53.8 Hz	Đạt

		(658 MHz)	(658 MHz)		tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	51.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	41.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	38.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	42.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	42.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	80.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	79.6 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	80.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	80.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: Cao Lãnh – Đồng Tháp

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	43.6 Hz	Đạt tiêu chuẩn

		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	21.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	69.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	38.4 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	41.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	36.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	28.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	43.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	68.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	66.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	71.2 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	65.4 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Lấp Vò – Đồng Tháp**

Dịch vụ: Truyền hình số mặt đất DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
-----	--------------	---	-------------	----------------------------	---------

		83:2014/BTTTT)			
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	60.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	41.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	38.5 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	45.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	39.6 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	38.1 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	41.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	33.7 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	67.5 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	68.9 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	68.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	70.9 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

- Địa điểm đo kiểm: **Thanh Bình – Đồng Tháp**

Dịch vụ: *Truyền hình số mặt đất DVB-T2*

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: 05.

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 12.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 83:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Độ di tần	≤ 50 KHz (642 MHz)	≤ 50 KHz (642 MHz)	50.2 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (650 MHz)	≤ 50 KHz (650 MHz)	21.8 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (658 MHz)	≤ 50 KHz (658 MHz)	62.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
		≤ 50 KHz (666 MHz)	≤ 50 KHz (666 MHz)	40.7 Hz	Đạt tiêu chuẩn
2	Băng thông tín hiệu	8 MHz	8 MHz	8 MHz (4 tần số)	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi bit	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (642 MHz)	10^{-9}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (650 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (658 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
		$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	$\leq 10^{-7}$ (666 MHz)	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Tỷ số sóng mang/tạp âm (C/N)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	≥ 19.6 dB (642 MHz)	38.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (650 MHz)	≥ 19.6 dB (650 MHz)	31.4 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (658 MHz)	≥ 19.6 dB (658 MHz)	39.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 19.6 dB (666 MHz)	≥ 19.6 dB (666 MHz)	34.2 dB	Đạt tiêu chuẩn
5	Mức cường độ trường trung bình tối thiểu	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	≥ 56.92 dB μ V/m (642 MHz)	60.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	≥ 58.99 dB μ V/m (650 MHz)	60.1 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	≥ 59.08 dB μ V/m (658 MHz)	60.7 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn
		≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	≥ 59.17 dB μ V/m (666 MHz)	68.3 dB μ V/m	Đạt tiêu chuẩn

❖ **Kết quả đo kiểm dịch vụ DVB S2**

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: Công ty cổ phần Nghe Nhìn Toàn Cầu

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26 - E -2a, đường số 1, Khu biệt thự Phú Thịnh, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Địa chỉ liên hệ: Tầng 13 Tòa nhà IC, số 82 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Thời gian thực hiện đo kiểm: 20/06/2021 – 30/06/2021.

Bảng thông số cơ bản của hệ thống truyền hình số vệ tinh DVB-S2

STT	Thông số	Giá trị
1	Dải tần số	11,262 GHz
2	Hệ số uốn (α)	0,2
3	Phương thức điều chế số	8-PSK
4	Tỷ lệ mã sửa sai (FEC)	3/4

A. Khu vực Miền Bắc

- Địa điểm đo kiểm: Quốc Oai, Hà Nội
- **Dịch vụ:** Truyền hình số vệ tinh DVB-S2
- + Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 02.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 79:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Thời gian trong 1 lần đo	20 giây	20 giây	30 giây	Đạt tiêu chuẩn
2	Khoảng thời gian giữa 2 lần đo	2 phút	2 phút	5 phút	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số E_b/N_0	4.4	4.4	5.4	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi gói PER	$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Mức cường độ tín hiệu thu	$-60\text{dBm} < X < -25\text{dBm}$	Theo QC	-36 dBm	Đạt tiêu chuẩn

B. Khu vực Miền Trung

- Địa điểm đo kiểm: Sơn Trà, Đà Nẵng
- **Dịch vụ:** Truyền hình số vệ tinh DVB-S2
- + Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 02.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 79:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Thời gian trong 1 lần đo	20 giây	20 giây	30 giây	Đạt tiêu chuẩn
2	Khoảng thời gian giữa 2 lần đo	2 phút	2 phút	5 phút	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số E_b/N_0	4,4	4,4	5.4	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi gói PER	$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Mức cường độ tín hiệu thu	$-60\text{dBm} < X < -25\text{dBm}$	Theo QC	-35 dBm	Đạt tiêu chuẩn

C. Khu vực Miền Nam

- Địa điểm đo kiểm: Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh
- **Dịch vụ:** Truyền hình số vệ tinh DVB-S2
- + Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 02.

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 79:2014/BTTTT)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Thời gian trong 1 lần đo	20 giây	20 giây	30 giây	Đạt tiêu chuẩn
2	Khoảng thời gian giữa 2 lần đo	2 phút	2 phút	5 phút	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số E_b/N_0	4,4	4,4	5.4	Đạt tiêu chuẩn
3	Tỷ số lỗi gói PER	$\leq 10^{-7}$	$\leq 10^{-7}$	10^{-8}	Đạt tiêu chuẩn
4	Mức cường độ	$-60\text{dBm} < X < -25\text{dBm}$	Theo QC	-35 dBm	Đạt

	tín hiệu thu				tiêu chuẩn
--	--------------	--	--	--	------------

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục PTH&TTĐT;
- Lưu: VT, KTTH

TỔNG GIÁM ĐỐC 

MAI DUY LONG